

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

Bản án số: 24/2025/HS-PT
Ngày: 09-4-2025

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Văn Thông

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Ông Phạm Văn Tỉnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thủy Tiên - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Đặng Hữu Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 17/2025/TLPT-HS ngày 05 tháng 3 năm 2025 đối với bị cáo Lê Phước T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 06/2025/HS-ST ngày 23-01-2025 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Bị cáo có kháng cáo: Lê Phước T (M), sinh năm 1988 tại tỉnh Bến Tre; nơi đăng ký thường trú: Số D, đường N, Phường F, thành phố M, tỉnh Tiền Giang; nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn L, sinh năm 1957 và bà Đặng Thị Kim L1, sinh năm 1962; vợ, con: chưa có; tiền án: có 03 tiền án. Tại Bản án số 08/2019/HSST ngày 21/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 06 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” (chấp hành xong ngày 18/5/2020). Tại Bản án số 101/2021/HSST ngày 30/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tại Bản án số 95/2021/HSST ngày 14/12/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” (chấp hành xong ngày 20/01/2023); tiền sự: không; nhân thân: Tại Bản án số 36/2007/HSPT ngày 06/4/2007 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” (chấp hành xong 24/10/2007). Tại Bản án số 24/2011/HSST ngày 28/4/2011 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (chấp hành xong ngày 28/12/2011); bị tạm giam từ ngày 23/7/2024 cho đến nay; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 01 giờ ngày 15/7/2024, Lê Phước T nhờ bạn tên Phạm Kim P điều khiển xe đạp chở T từ nhà của P tại ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre ra quốc lộ E để T về nhà tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. Khi đến nhà nghỉ T1 ở ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre thì T xuống xe còn P quay trở về nhà. Lúc này, T nhìn thấy nhà nghỉ T1 mở cổng nên nảy sinh ý định vào trong tìm tài sản lấy trộm. T đi vào trong nhìn thấy 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 71B4 - 836.62, nhãn hiệu Suzuki, loại xe Raider, màu sơn đỏ đen của chị Phương Thị Hồng L2 dựng ở bãi đậu xe không có người trông coi. T lén lút dẫn xe mô tô trên ra ngoài khoảng 100 mét, dùng tay bứt dây điện ổ khóa nguồn, khởi động và điều khiển xe tẩu thoát. Khi chạy đến khu vực ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre thì bị Công an mời làm việc. Do sợ bị bắt giam nên T bỏ xe bên lề đường, thông báo cho lực lượng Công an huyện C, tỉnh Bến Tre đến thu giữ xe rồi lẫn trốn. Sau đó, khi T đến nhà P tại ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre chơi thì bị lực lượng Công an huyện C, tỉnh Bến Tre phát hiện. Qua làm việc T khai nhận hành vi phạm tội như trên.

* Vật chứng thu giữ:

- 01 xe đạp nhãn hiệu BRIDGESTONE màu trắng, có rổ xe màu đen;
- 01 xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Raider, màu sơn đỏ đen, biển kiểm soát 71B4 - 836.62, số khung: RLSDL11ANMV152893, số máy: CGA1552849.

* Kết luận định giá tài sản số: 1125/KL-HĐĐG ngày 22/7/2024 của Hội đồng định giá Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Suzuki loại Raider, màu sơn đỏ đen, biển kiểm soát 71B4 - 836.62 trị giá: 25.676.000 đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã trả 01 xe đạp cho Phạm Kim P; trả 01 xe mô tô biển kiểm soát 71B4 - 836.62 cho Phương Thị Hồng L2; bị hại L2 không yêu cầu bồi thường gì thêm.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 06/2025/HS-ST ngày 23/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Lê Phước T phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Phước T 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23/7/2024;

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 26/01/2025, bị cáo Lê Phước T kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với Bản án sơ thẩm và giữ nguyên

kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt.

- Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định. Về tội danh: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Lê Phước T phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Về hình phạt và kháng cáo của bị cáo: Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Lê Phước T 03 năm tù là tương xứng; kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của bị cáo không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Lê Phước T 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 23/7/2024. Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

- Bị cáo không tranh luận.

- Bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm; bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm kết hợp với các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, có cơ sở xác định: Do động cơ tư lợi bất chính nên vào khoảng 01 giờ ngày 15/7/2024, tại nhà nghỉ T1 thuộc ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre, bị cáo Lê Phước T đã có hành vi lén lút lấy trộm của chị Phương Thị Hồng L2 01 xe mô tô nhãn hiệu Suzuki, loại Raider, màu đen đỏ, biển kiểm soát 71B4 - 836.62, trị giá 25.676.000 đồng.

[3] Về tội danh: Bị cáo là người thành niên, có năng lực trách nhiệm hình sự; mặc dù đã nhiều lần bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản”, đã bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” theo Bản án số 95/2021/HSST ngày 14/12/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, chưa được xóa án tích lại tiếp tục thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại Phương Thị Hồng L2 có giá trị 25.676.000 đồng; bị cáo phạm tội với lỗi cố ý; hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của bị hại, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Với ý thức, hành vi, giá trị tài sản chiếm đoạt và nhân thân của bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Lê Phước T phạm tội “Trộm cắp tài sản” với tình tiết định khung “Tái

phạm nguy hiểm” theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt, thấy rằng:

Khi áp dụng hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc đến tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như: Bị cáo có nhân thân không tốt, đã nhiều lần bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như *người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải* theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, *phạm tội gây thiệt hại không lớn* theo điểm h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, *đã từng cộng tác với lực lượng Công an phục vụ công tác phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm* theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; đã xử phạt bị cáo 03 năm tù;

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Bị cáo trộm cắp tài sản có giá trị 25.676.000 đồng, phạm tội có tình tiết định khung tăng nặng “Tái phạm nguy hiểm”, phạm tội có khung hình phạt tù từ 02 năm đến 07 năm thuộc trường hợp nghiêm trọng bởi tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội lớn. Mặc dù bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng theo điểm s, h khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự như đã nêu ở phần trên. Tuy nhiên, qua xem xét quá trình hoạt động của bản thân bị cáo thấy rằng bị cáo có nhân thân không tốt, đã nhiều lần bị kết án về tội chiếm đoạt nhưng vẫn không từ bỏ, đến ngày 15/7/2024 lại tiếp tục phạm tội trộm cắp tài sản thuộc tội chiếm đoạt; điều đó đã thể hiện bị cáo có thái độ xem thường pháp luật và tài sản của người khác, là người khó cải tạo; Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 03 năm tù là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hậu quả bị cáo gây ra, tại cấp phúc thẩm bị cáo không có thêm tình tiết giảm nhẹ mới. Xét thấy quyết định của Bản án sơ thẩm về mức hình phạt đối với bị cáo có căn cứ và đúng pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có căn cứ để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên không chấp nhận kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[5] Quan điểm của Kiểm sát viên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lê Phước T; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 06/2025/HS-ST ngày 23/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre;

1. Về trách nhiệm hình sự:

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Phước T 03 (ba) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”;

Thời hạn tù tính từ ngày 23/7/2024.

2. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Bị cáo Lê Phước T phải nộp: 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện Châu Thành(3b);
- Chi cục THADS huyện Châu Thành (1b);
- UBND xã Tân Thạch, huyện Châu Thành (1b);
- Bị cáo (1b);
- Trại tạm giam (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tôn Văn Thông